

Số: 69 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng (viết tắt là QHXD) Vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận số 758-KL/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh về việc phân công phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Xét tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 24/02/2020 của UBND huyện Lương Tài và Báo cáo thẩm định số 43/BCTĐ-HĐTĐ ngày 28/02/2020 của Hội đồng thẩm định Đồ án QHXD vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đồ án QHXD vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Vị trí và phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Lương Tài, với 14 đơn vị hành chính gồm 1 thị trấn và 13 xã, được giới hạn như sau: Phía đông giáp tỉnh Hải Dương; phía tây giáp huyện Thuận Thành; phía bắc giáp huyện Gia Bình và phía nam giáp huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

b) Quy mô quy hoạch:

- Diện tích tự nhiên khoảng 105,9 km².

- Quy mô dân số: Hiện trạng đầu năm 2019 khoảng 104.469 người; đến hết năm 2025 khoảng 112.110 người; đến hết năm 2035 khoảng 128.250 người.

c) Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025, giai đoạn dài hạn đến năm 2035, tầm nhìn quy hoạch đến năm 2050.

2. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh, định hướng phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Bắc Ninh và huyện Lương Tài.

- Xác định, phân vùng phát triển hệ thống đô thị, khu vực nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn toàn huyện.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng, lợi thế và nguồn lực của huyện, khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, thế mạnh về đất đai nông nghiệp, nguồn lao động, nâng cao chất lượng sống cho người dân và bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở để triển khai các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, phát triển đô thị, phát triển nông thôn; quản lý đô thị và các khu vực dân cư nông thôn, khu vực phát triển công nghiệp, du lịch, ... và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Là huyện nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh Bắc Ninh và cả nước.

3. Tính chất quy hoạch

- Là vùng phát triển kinh tế nông nghiệp (ưu tiên nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm), dịch vụ thương mại, phát triển công nghiệp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa với tỉnh Hải Dương, có vị trí quan trọng về mặt an ninh quốc phòng.

4. Tầm nhìn

- Thuộc vùng ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương đóng vai trò liên kết kinh tế giữa Bắc Ninh và Hải Dương, tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm, đô thị, dịch vụ, công nghiệp.

- Xây dựng khung bảo vệ thiên nhiên ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Xây dựng hệ thống đô thị hiện đại có môi trường sống tốt, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

5. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng

- Quy mô dân số: Đến hết năm 2025 khoảng 112.110 người, đến hết năm 2035 khoảng 128.250 người.

- Cơ cấu kinh tế:

+ Dự báo năm 2025: Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 9,0-9,5%/năm, lĩnh vực nông nghiệp chiếm 17,1%; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 41,0% và lĩnh vực dịch vụ chiếm 41,9%.

+ Dự báo năm 2030: Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 10-10,5%/năm, lĩnh vực nông nghiệp chiếm 13,6%; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 44,0% và lĩnh vực dịch vụ chiếm 42,4%.

+ Dự báo năm 2035: Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 8,5-9,5%/năm, lĩnh vực

nông nghiệp: 10,8%; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 46,0% và lĩnh vực dịch vụ 43,2%.

6. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Cấu trúc phát triển

Theo hành lang phát triển dọc ĐT.280, ĐT.281 gắn kết các đô thị Lâm Thao, đô thị Thửa (đô thị trung tâm), đô thị Trung Kênh, kết nối với tỉnh Hải Dương qua QL.38, QL.17; tuyến đường ĐT.285B là tuyến đường tỉnh đóng vai trò kết nối với các vùng kinh tế phía bắc sông Đuống của tỉnh.

b) Định hướng phát triển không gian thành 2 vùng

Vùng phát triển kinh tế đô thị gồm các đô thị Thửa, Trung Kênh, Lâm Thao và các khu vực bám các tuyến giao thông ĐT.280, ĐT.281 và tuyến đường huyện quy hoạch mới (đường tránh ĐT.281), trọng tâm là phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và công nghiệp.

Vùng phát triển kinh tế nông nghiệp bao gồm tất cả diện tích còn lại của huyện, trọng tâm là phát triển kinh tế nông nghiệp (ưu tiên nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm).

c) Quy hoạch hệ thống đô thị

Định phát triển hệ thống đô thị đến năm 2035, gồm 03 đô thị:

- Thị trấn Thửa: Là đô thị loại V, diện tích khoảng 710,18 ha, quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 11.800 người, đến năm 2035 khoảng 15.410 người, là thị trấn huyện lỵ của huyện Lương Tài.

- Đô thị Trung Kênh: Là đô thị loại V, diện tích khoảng 704,27 ha, quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 10.950 người, đến năm 2035 khoảng 14.280 người, là đô thị dịch vụ, thương mại, cửa ngõ phía đông của huyện Lương Tài.

- Đô thị Lâm Thao: Là đô thị loại V, diện tích khoảng 628,60 ha, quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 7.000 người, đến năm 2035 khoảng 8.800 người, là đô thị công nghiệp, dịch vụ.

d) Quy hoạch hệ thống điểm dân cư nông thôn

- Tập trung phát triển tại các khu vực trung tâm xã và các trục đường giao thông theo quy hoạch xây dựng nông thôn, hiện đại hóa nông thôn theo chương trình xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

- Cải tạo chỉnh trang gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, cảnh quan sinh thái tự nhiên; bổ sung cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Xác định cụ thể danh mục các công trình, đối tượng, không gian cần bảo tồn để có biện pháp ứng xử phù hợp.

- Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn các xã cho phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện làm cơ sở quản lý, kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng, tầng cao công trình, kiến trúc công trình và bảo vệ môi trường cảnh quan khu vực nông thôn; kiểm soát việc đô thị hóa tự phát, hình thức kiến trúc không phù hợp làm phá vỡ kiến trúc cảnh quan khu vực nông thôn, thực hiện bảo tồn các không gian làng ở nông thôn.

đ) Các khu vực kiểm soát đặc biệt

- Các khu vực hành lang thoát lũ sông Thái Bình: Thực hiện theo quy hoạch, xác định cụ thể ranh giới thoát lũ, vị trí các tuyến đê và quy định cụ thể hoạt động xây dựng theo từng khu vực.

- Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng: Lập danh mục cụ thể, xác định các giá trị và quy định ranh giới bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ các di tích theo Luật Bảo tồn di sản.

- Các khu vực cảnh quan sông Thái Bình: Quy hoạch bảo tồn, phát triển gắn với các dự án nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, khai thác không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên.

- Khu vực an ninh, quốc phòng: Hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng các quỹ đất an ninh quốc phòng; việc đầu tư xây dựng phải được cơ quan thẩm quyền thông nhất theo quy định.

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm đối với hành lang bảo vệ vùng thoát lũ, vùng bảo vệ di tích văn hóa lịch sử, hành lang bảo vệ an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật; hành lang dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng; vùng cảnh quan sinh thái.

e) Quy hoạch các khu chức năng cấp vùng huyện

Khu cảng và dịch vụ, logistics tại xã Trung Khê với diện tích khoảng 70 - 80ha; Khu giết mổ tập trung tại xã Bình Định với diện tích khoảng 10ha.

f) Hệ thống cơ sở sản xuất

- Cụm công nghiệp: Phát triển công nghiệp phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (ưu tiên công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến). Hoàn thiện đầu tư và khai thác có hiệu quả các cụm công nghiệp theo quy hoạch bao gồm cụm công nghiệp Lâm Bình quy mô diện tích khoảng 55,4 ha và cụm công nghiệp Quảng Bồ quy mô diện tích khoảng 10ha.

- Thương mại dịch vụ và du lịch:

+ Thương mại: Ưu tiên phát triển các siêu thị, cửa hàng tiện lợi, chợ gắn với trung tâm các khu vực đô thị, các làng nghề, vùng sản xuất nông nghiệp.

+ Du lịch: Phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp của địa phương.

g) Quy hoạch khu vực phát triển nông nghiệp

Quy hoạch các vùng kinh tế nông nghiệp, ưu tiên nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, cụ thể như sau:

- Vùng sản xuất cây trồng tập trung, nuôi trồng thủy sản được quy hoạch tại các xã Trung Chính, Trùng Xá, Tân Lãng, Lai Hạ, An Thịnh, Bình Định, Mỹ Hương; vùng nuôi cá lồng trên sông tại xã Trung Khê, An Thịnh, Minh Tân; vùng nuôi cá thâm canh trong ao đất tại các xã: Trung Chính, Phú Hòa, Quảng Phú, Trung Khê, An Thịnh;

- Vùng chăn nuôi tập trung được quy hoạch tại các xã: Phú Hòa, Minh Tân, Lai Hạ và Trung Chính;

Phát triển tổ chức sản xuất theo mô hình sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

h) Hệ thống hạ tầng xã hội

- Công sở, trụ sở làm việc

Trung tâm hành chính - chính trị cấp huyện tại thị trấn Thửa theo quy hoạch chung thị trấn Thửa và trung tâm hành chính - chính trị cấp xã theo quy hoạch xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại, cao tầng.

- Nhà ở:

+ Định hướng đến năm 2025 nhà ở khu vực đô thị đạt khoảng 30,6m²/người, nhà ở khu vực nông thôn 26,2m²/người; đến năm 2035 nhà ở khu vực đô thị 35 m²/người, nhà ở khu vực nông thôn 30 m²/người.

+ Phát triển các dự án đầu tư khu nhà ở, khu đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

+ Kiểm soát việc phát triển nhà ở tại các điểm dân cư nông thôn về kiến trúc công trình, mật độ xây dựng, tầng cao công trình. Hạn chế tối đa việc ảnh hưởng tới các không gian làng xóm truyền thống và các không gian di tích văn hóa lịch sử.

Hệ thống giáo dục đào tạo và dạy nghề:

- Tiếp tục duy trì và cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho hệ thống trường đào tạo nghề và trường học hiện có.

- Quy hoạch mới:

+ 01 trường đào tạo nghề tại đô thị Lâm Thao và 01 trường đào tạo nghề tại đô thị Trung Khê.

+ 01 trường trung học phổ thông tại xã Trùng Xá.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân mở trường học chất lượng cao các cấp ngoài công lập ở những khu vực đông dân cư, có nhu cầu phát triển.

Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Tiếp tục duy trì và cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện với quy mô 250 - 300 giường, các trạm y tế xã được quy hoạch xây dựng đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân theo chương trình mục tiêu quốc gia; quy hoạch mới 01 bệnh viện tại đô thị Trung Khê để ưu tiên thu hút đầu tư bệnh viện ngoài công lập.

Công trình thiết chế văn hóa, thể thao, công viên cây xanh, mặt nước:

- Quy hoạch các trung tâm văn hoá - thể dục thể thao cấp vùng huyện tại thị trấn Thửa với diện tích khoảng 8ha.

- Quy hoạch mỗi xã đều có nhà văn hóa và trung tâm thể dục thể thao cấp xã; mỗi thôn đều có nhà văn hóa, khu thể dục thể thao theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn.

- Quy hoạch các điểm văn hóa là những nơi có di tích lịch sử tiêu biểu (*đình, đền, chùa, miếu,...*) đặc biệt là Đền thờ Hàn Thuyên, Đình Ngọc Quan, Cùm Lăng mộ, Đình thờ Nguyễn Công Nghệ, Đình Lương Xá, Đình Ngọc Trì,...

- Quy hoạch hệ thống công viên cây xanh tập trung cấp vùng, cấp tiểu vùng, cấp đô thị, cấp xã,... đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của người dân và tạo cảnh quan môi trường; các vùng kinh tế nông nghiệp tạo thành bộ khung thiên nhiên, cân bằng sinh thái, đạt chỉ tiêu cây xanh tối đa.

i) Định hướng phát triển các hành lang xanh, nêm xanh, vành đai xanh:

Hình thành các hành lang xanh gắn với sông Thái Bình, sông Thửa, sông Ngụ...; các vành đai xanh bao quanh các khu vực đô thị để tạo cảnh quan môi trường cho đô thị nông thôn. Giải pháp thiết kế cụ thể của từng khu vực được thực hiện theo đồ án quy hoạch riêng.

7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đai

7.1. Đến năm 2025:

- Đất sử dụng phi nông nghiệp (đất xây dựng): Khoảng 3.586,92ha, chiếm 33,9% diện tích đất tự nhiên, trong đó đất dân dụng 2.733ha – chiếm 25,8% - bình quân 244 m²/ng.

- Đất nông nghiệp và đất khác: Có diện tích khoảng 7.004,7ha, chiếm 66,13%.

7.2. Đến năm 2035:

- Đất sử dụng phi nông nghiệp (đất xây dựng): Khoảng 4.055,56ha, chiếm 38,3% diện tích đất tự nhiên, trong đó đất dân dụng khoảng 3.042ha – chiếm 28,72% - bình quân 237 m²/ng.

- Đất nông nghiệp và đất khác: Diện tích khoảng 6.536ha, chiếm 61,71%, trong đó đất nông nghiệp khoảng 4.294,7ha bao gồm đất lúa và đất canh tác hoa màu.

- Diện tích đất nông nghiệp có xu hướng giảm dần do sử dụng nông nghiệp công nghệ cao nâng cao chất lượng và phục vụ du lịch sinh thái trải nghiệm đồng thời phục vụ quá trình đô thị hoá nhưng vẫn đảm bảo an ninh lương thực.

- Đánh giá quỹ đất có điều kiện xây dựng thuận lợi cho việc phát triển đô thị và các vùng nông thôn mới. Bố trí quỹ đất hợp lý để khai thác tiềm năng về phát triển công nghiệp và dịch vụ - du lịch, các cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật nhằm tránh lãng phí đất đai và nguồn lực đầu tư.

- Bảo vệ quỹ đất cảnh quan thiên nhiên ven sông, hồ và đất danh thắng, di tích văn hóa lịch sử; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất thuộc hành lang an toàn kỹ thuật, đất bộ khung bảo vệ thiên nhiên và các loại đất thuộc vùng cấm xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Bố trí quỹ đất có điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các khu đô thị và nông thôn; các khu và cụm công nghiệp; các khu và cụm du lịch; các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật và các loại đất phi nông nghiệp khác.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Quy hoạch giao thông: Tận dụng cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, phát huy tối đa về lợi thế của huyện, tập trung cải tạo, nâng cấp kết hợp xây dựng mới mạng lưới giao thông hiện đại, đồng bộ; phát triển đa dạng các loại hình vận tải, kết nối liên thông giữa các phương thức vận tải (đường bộ, đường thủy), phát triển hệ thống giao thông công cộng đa dạng.

a) Giao thông đường bộ: Quy hoạch mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống các tuyến đường giao thông từ quốc lộ đến đường huyện, từ các tuyến đường trục chính đô thị đến các tuyến đường liên khu vực, gồm:

- QL.17 mới đoạn từ huyện Gia Bình đến đô thị Trung Kênh, xây dựng mới cầu Kênh Vàng qua sông Thái Bình để kết nối với QL.37, tỉnh Hải Dương; mặt cắt ngang điển hình phù hợp với Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là $42m = 2 \times 10,5m + 2 \times 8m + 5m$;

- Các tuyến đường tỉnh qua địa bàn huyện Lương Tài kết nối giao thông giữa các khu vực đô thị, trung tâm nông thôn huyện Lương Tài với các khu trung tâm đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và với các khu vực lân cận thông qua mạng lưới giao thông xung quanh vùng huyện (QL.17 đoạn qua huyện Gia Bình, QL.38, ĐT.279, ĐT.388 Hải Dương,...). Quy mô mặt cắt ngang điển hình phù hợp theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh đã được phê duyệt như sau:

+ ĐT.280: $38\text{m} = 2 \times 10,5\text{m} + 2 \times 7,5\text{m} + 2\text{m}$;

+ ĐT.281: $36\text{m} = 2 \times 10,5\text{m} + 2 \times 6\text{m} + 3\text{m}$;

+ ĐT.284, ĐT.285: Từ $22,5\text{m}$ ($10,5\text{m} + 2 \times 6\text{m}$) đến 27m ($15\text{m} + 2 \times 6\text{m}$);

+ ĐT.285B rộng $56,5\text{m} = 2 \times 11,25\text{m}$ (lòng đường chính) + $2 \times 2\text{m}$ (dải phân cách phụ) + $2 \times 7,5\text{m}$ (lòng đường gom) + $2 \times 6\text{m}$ (hè đường) + 3m (dải phân cách giữa).

- Các tuyến đường chính đô thị, kết hợp với hệ thống các tuyến đường tỉnh và các quảng trường đô thị, công viên cây xanh tạo thành các trục cảnh quan, điểm nhấn cho đô thị, có mặt cắt ngang theo Quy hoạch chung đô thị được phê duyệt, đảm bảo yêu cầu giao thông lâu dài.

- Hệ thống các tuyến đường huyện (có tính chất liên khu vực) kết nối giữa các khu vực đô thị, các khu vực nông thôn với nhau và với mạng lưới đường tỉnh, đường quốc lộ có mặt cắt ngang đáp ứng yêu cầu vận tải của địa phương, có lòng đường rộng tối thiểu 4 làn xe ô tô tiêu chuẩn. Quy hoạch mới tuyến đường tránh cho đoạn ĐT.281 từ Thửa đi Kênh Vàng nhằm mở rộng kết nối giao thông giữa đô thị Thửa với đô thị Trung Kênh, kết nối với huyện Gia Bình, huyện Quế Võ thông qua ĐT.285B và QL.17, mặt cắt ngang điển hình rộng $40\text{m} = 2 \times 8,0\text{m}$ (hè đường) + $2 \times 10,5\text{m}$ (lòng đường) + $3,0\text{m}$ (giải phân cách giữa).

b) Giao thông đường thủy: Khai thác tuyến vận tải đường thủy trên sông Thái Bình để tận dụng tối đa lợi thế đường sông của huyện, phát triển cảng Kênh Vàng, kết nối mạng lưới giao thông vận tải hàng hóa đường thủy từ tỉnh Bắc Ninh với các cụm cảng biển nước sâu tại khu vực Quảng Ninh, Hải Phòng; tạo động lực để phát triển cho khu vực đô thị Thửa, đô thị Trung Kênh và khu vực ven sông Thái Bình thuộc tỉnh Hải Dương, Hải Phòng,... phù hợp theo Quy hoạch chi tiết hệ thống Cảng đường thủy nội địa Khu vực phía Bắc đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030" đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1112/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013 (định hướng đến năm 2030, cảng Kênh Vàng có công suất trên 500 ngàn tấn hàng hóa/năm, phục vụ được cỡ tàu lớn nhất 600 tấn).

c) Quy hoạch hệ thống giao thông công cộng: Tiếp tục nâng cấp ba tuyến xe buýt liên huyện hiện trạng và đề xuất quy hoạch các tuyến xe buýt liên tỉnh Bắc Ninh – Hải Dương và các tuyến xe buýt nội vùng kết nối các đô thị Lâm Thao, Thửa, Kênh Vàng.

d) Quy hoạch hệ thống giao thông tĩnh: Xây dựng mới bến xe tại đô thị Thửa, đề xuất quy hoạch hai bến xe cấp huyện tại các đô thị Trung Kênh và Lâm Thao; xây dựng hệ thống bãi đỗ xe tập trung tại các khu công cộng đảm bảo nhu cầu đỗ xe trong tương lai.

8.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a) Cốt nền xây dựng:

- Khu vực trong đê Thái Bình (đê sông Thái Bình) và đê Đuống: Giữ nguyên

cao độ nền xây dựng trong làng xóm, khu dân cư hiện trạng. Các khu vực đô thị (Thị trấn Thừa và đô thị Kênh Vàng, đô thị Lâm Thao) và các khu vực xây dựng mới theo quy hoạch cao độ nền phù hợp với các tuyến đường giao thông của khu vực.

- Khu vực ngoài đê Thái Bình (đê sông Thái Bình) và đê Đuống: Giữ nguyên cao độ nền hiện trạng tự nhiên. Sử dụng giải pháp san nền cục bộ, cải tạo nền tại chỗ; không tổ chức tôn nền xây dựng tại khu vực thuộc hành lang thoát lũ sông Thái Bình và sông Đuống.

b) Thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng đồng bộ, đảm bảo thoát nước tốt. Nước mưa chủ yếu chảy về các kênh tiêu chính rồi thoát ra sông Thừa, sông Ngụ, sông Bùi, kênh Đại Quảng Bình, kênh Tuần La - Chợ Đò, kênh Đồng Khởi và sông Thái Bình, được quy hoạch theo 04 vùng lưu vực chính:

+ Lưu vực vùng tiêu Kênh Vàng: Gồm các xã, đô thị kênh Vàng nằm dọc theo tỉnh lộ 281, phía Bắc ĐT.285 đoạn cuối sông Ngụ và phía Đông sông Tuần La-Chợ Đò. Nước mưa được tiêu thoát tự chảy về các kênh mương tiêu chính, rồi thoát nước ra sông Ngụ và sông Tuần La-Chợ Đò, thoát nước ra sông Thái Bình thông qua trạm bơm Kênh Vàng I, Kênh Vàng II.

+ Lưu vực vùng tiêu Văn Thai: Gồm các xã nằm dọc theo phía Nam ĐT.285 và phía Đông sông Đồng Khởi. Nước mưa được tiêu thoát tự chảy về các kênh tiêu chính và thoát ra sông Đồng Khởi, sông Bùi và ra sông Thái Bình thông qua các trạm bơm Nhất Trai, trạm bơm Văn Thai A, trạm bơm Văn Thai 2.

+ Lưu vực vùng tiêu Ngọc Quan: Gồm các xã Lâm Thao, Phú Lương, Bình Định, nước mưa tiêu thoát nước tự chảy về Kênh, mương, các ao nối nhau liên tiếp chảy về sông Bùi rồi thoát nước ra sông Thái Bình thông qua trạm bơm Ngọc Quan.

+ Lưu vực vùng tiêu Đại Quảng Bình: Gồm các xã Lâm Thao, Bình Định, Quảng Phú, nước mưa được tiêu thoát tự chảy về các kênh tiêu chính và thoát ra sông Đại Quảng Bình về hệ thống giao thông thủy lợi Bắc Hưng Hải.

c) Hệ thống thủy lợi

- Nâng cấp, cải tạo các kênh tiêu nước chính trong khu vực; nâng cấp cải tạo cống qua đê hữu sông Thái Bình, cống tiêu các trạm bơm hiện trạng và các cống điều tiết.

- Nâng cấp công suất các trạm bơm tiêu thoát nước hiện trạng Kênh Vàng I, II, Nhất Trai, Văn Thai A, Ngọc Quan; tiếp tục thực hiện theo dự án trạm bơm Ngọc Trì (công suất đến 15,2 m³/s); bổ sung xây dựng mới trạm bơm Văn Thai II (công suất đến 38,8m³/s).

- Cải tạo hệ thống đê, kè, nạo vét sông Ngụ, sông Bùi nối với sông Thái Bình.

8.3. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước: Khai thác sử dụng nguồn nước sông Đuống và sông Thái Bình.

- Tổng công suất thiết kế các nhà máy nước toàn huyện đến năm 2025 khoảng 24.000m³/ngđ, đến năm 2035 khoảng 34.000m³/ngđ, nếu tính cả nguồn cấp cho các xã khác của huyện Thuận Thành thì công suất tương ứng là 30.000 – 45.000 m³/ngđ.

- Phân vùng cấp nước: Phát triển hệ thống cấp nước từng phân vùng tập trung với độ tin cậy cao; huyện Lương Tài chia thành 04 vùng cấp nước chính.

+ Vùng 1: Gồm đô thị Lâm Thao và các xã là Quảng Phú, Bình Định. Thuộc khu vực N3 Nam Đuống.

+ Vùng 2: Gồm thị trấn Thứa, xã Tân Lãng và một phần xã Trung Chính.

+ Vùng 3: Gồm các xã là Phú Hòa, Phú Lương và một phần xã Trung Chính.

+ Vùng 4: Gồm đô thị Trung Kênh và các xã An Thịnh, Mỹ Hương, Lai Hạ, Trùng Xá, Minh Tân và một phần xã Trung Chính.

- Các công trình cấp nước được quy hoạch gồm:

+ Cải tạo nâng công suất 04 nhà máy nước (Nhà máy nước Quảng Phú 18.000 – 20.000 m³/ngđ, nhà máy nước thị trấn Thứa 7.000 – 10.000 m³/ngđ, nhà máy nước Phú Hòa 4.000 – 5.000 m³/ngđ, nhà máy nước An Thịnh 7.000 – 12.000 m³/ngđ); tiến tới ngừng khai thác 02 nhà máy nước (số 2 và Minh Tân).

- Định hướng mạng lưới đường ống cấp nước:

+ Mạng lưới ống được chia làm 03 cấp: truyền dẫn, phân phối và dịch vụ. Sử dụng vật liệu bằng ống nhựa HDPE hoặc ống gang để cung cấp nước sạch.

+ Cấp nước chữa cháy: Nguồn cho cấp nước chữa cháy được lấy từ nguồn nước sinh hoạt và nước sông, ao, hồ trên địa bàn.

- Khoanh vùng bảo vệ nguồn cấp nước đảm bảo yêu cầu cấp nước an toàn, kiểm soát chất lượng nước sạch và nước thô theo quy chuẩn.

8.4. Quy hoạch cấp điện

a) Nguồn điện: Giai đoạn từ nay đến năm 2025 huyện Lương Tài chủ yếu sử dụng nguồn điện của trạm 110KV Bình Định, trạm được nâng công suất giai đoạn 2020 là (110/22KV - 2x63MVA). Về lâu dài huyện sẽ được bổ sung nguồn điện từ các trạm nguồn mới được xây dựng sau:

- Nguồn 220KV: Xây dựng mới trạm 220KV Bắc Ninh 6 tại thị trấn Thứa (220/110KV - 2x250MVA) giai đoạn 2030 – 2035.

- Nguồn 110KV: Xây dựng mới các trạm 110KV Thứa (110/22KV - 63MVA) giai đoạn 2030 tại thị trấn Thứa, trạm 110KV Lương Tài (110/22KV - 63MVA) giai đoạn 2035 tại xã Minh Tân, trạm 110KV Kênh Vàng (110/22KV - 63MVA) giai đoạn 2035 tại xã An Thịnh.

- Trạm 110KV Vạn Ninh đang được ngành điện dự kiến đưa vào vận hành năm 2020 cũng sẽ cung cấp một phần nguồn điện cho huyện Lương Tài.

- Nguồn điện khác: Giai đoạn đến 2025 huyện còn được bổ sung nguồn điện từ nhà máy điện rác dự kiến xây dựng mới ở xã An Thịnh với công suất 6MVA.

b) Lưới điện:

- Lưới 220KV: Xây dựng mới tuyến 220KV mạch kép rẽ nhánh trên một mạch đường dây 220KV từ nhiệt điện Phả Lại đi trạm 500KV Phố Nối cấp cho trạm 220KV Bắc Ninh 6 giai đoạn 2025 – 2030.

- Lưới 110KV: Xây dựng mới các tuyến 110KV mạch kép từ trạm 220KV Bắc Ninh 6 cấp đến trạm 110KV Thứa giai đoạn 2030, tuyến 110KV cấp đến trạm 110KV Lương Tài và trạm 110KV Kênh Vàng giai đoạn 2035.

- Lưới 22KV: Lưới trung thế 22KV xây dựng mới ở các khu đô thị mới và khu vực thị trấn cần được đầu tư bố trí đi ngầm để đảm bảo mỹ quan đô thị. Các khu vực

ngoại vi đô thị lưới trung thế 22KV khuyến khích hạ ngầm, thường xuyên nâng cấp chống quá tải lưới trung thế, từng bước chuyển đổi về để chỉ sử dụng lưới trung thế 22KV để đảm bảo cấp điện ổn định.

- Để đảm bảo cho việc cung cấp điện an toàn, ổn định cần đầu tư xây dựng mới thêm 04 lộ trung thế 35KV và 22KV từ trạm 110KV Bình Định và trạm 110KV Vạn Ninh cấp điện cho phụ tải của huyện Lương Tài.

8.5. Quy hoạch thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc theo công nghệ tiên tiến, hiện đại và đồng bộ, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng dụng hiệu quả, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.

- Nâng cấp công nghệ chuyển mạch, xây dựng hệ thống mạng truyền dẫn. Triển khai đồng bộ mạng cáp ngầm thông tin theo hệ thống công trình ngầm tại khu vực đô thị, nâng cấp hạ tầng thông tin hiện có. Phát triển mạnh hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, tốc độ cao, băng thông rộng, theo xu hướng của thế giới, kết nối liên thông.

- Phát triển, nâng cao chất lượng mạng lưới bưu chính, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội.

8.6. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a.) Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải phát sinh toàn huyện Lương Tài khoảng 20.000 – 30.000 m³/ngày cho giai đoạn 2025 – 2035, sử dụng hệ thống thoát nước chung hiện có; riêng các khu đô thị mới, khu nhà ở, khu dân cư mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng, có điểm chờ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu vực sau khi được đầu tư; vị trí các trạm xử lý nước thải đô thị theo quy hoạch chung đô thị được duyệt.

- Nước thải chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc được xử lý tại các bể biogas để giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các cụm công nghiệp trên địa bàn có xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Từng bước xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải điểm dân cư nông thôn.

b) Quy hoạch khu vực xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 120 – 180 tấn/ngày trong giai đoạn 2025 – 2035, toàn bộ lượng chất thải rắn sẽ được thu gom, phân loại và xử lý tại khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung của huyện tại xã An Thịnh với diện tích khoảng 10ha; chất thải rắn công nghiệp được chủ nguồn thải quản lý và tổ chức xử lý theo quy định đảm bảo quy định về môi trường.

c) Quy hoạch nghĩa trang: Định hướng phát triển nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Quảng Phú với diện tích khoảng 25ha theo hình thức công viên nghĩa trang; từng bước cải tạo các nghĩa trang hiện trạng đảm bảo cảnh quan và vệ sinh môi trường phù hợp với lộ trình và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.

8.7. Đánh giá môi trường chiến lược

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng cho cụm công nghiệp và các khu vực phát triển mới, từng bước xử lý nước thải cho khu vực nông thôn; Kiểm soát nguồn thải đối với lưu vực sông Thái Bình, sông Thửa và các kênh mương lớn trong vùng.

- Bảo vệ môi trường sinh thái từ quy hoạch xây dựng các công viên cây xanh

trong đô thị, khu vực dân cư nông thôn, xung quanh cụm công nghiệp theo quy hoạch được duyệt.

- Thu hút các dự án đầu tư theo hướng sản xuất bằng công nghệ sạch, kiểm soát ô nhiễm môi trường, phát triển giao thông công cộng.

- Thực hiện phân loại và thu gom xử lý chất thải rắn, đảm bảo quy chuẩn môi trường, kiểm soát chất thải nghĩa trang.

- Sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất, nước,...vv.

9. Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch: Được thẩm định và ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

10. Các chương trình, dự án ưu tiên, nguồn lực và lộ trình thực hiện

a) Các chương trình ưu tiên đầu tư:

- Chương trình phát triển nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.
- Chương trình về môi trường đô thị, nông thôn huyện.
- Chương trình bảo vệ và phát huy các giá trị cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử, văn hóa dân gian tại địa phương, văn hóa cộng đồng.

b) Các dự án chiến lược ưu tiên

- Hệ thống hạ tầng cơ sở:

- + Đầu tư phát triển mở rộng quy mô mặt cắt đường ĐT.280, ĐT.281, ĐT.285B, trục đường huyện quy hoạch mới (đường tránh ĐT.281).

- + Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống các công trình đầu mối cấp vùng trong lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước, cấp điện, thoát nước, chất thải rắn, nghĩa trang.

- + Đầu tư xây dựng các công trình công viên, cây xanh, quảng trường, khu vui chơi giải trí cấp vùng, cấp đô thị.

- + Hệ thống công trình giáo dục, y tế, trụ sở cơ quan được đầu tư, nâng cấp đảm bảo yêu cầu phát triển.

- Hệ thống hạ tầng kinh tế:

- + Phát triển các dự án cụm công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch vùng huyện.

- + Thu hút đầu tư các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- + Thu hút đầu tư dự án cảng, logistics, dịch vụ công nghiệp khoảng 70ha – 80 ha tại đô thị Trung Kênh và các dự án thương mại dịch vụ theo quy hoạch được duyệt.

- Tại khu vực ở làng xóm cải tạo chỉnh trang, bổ sung hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Từng bước di dời các làng xóm hiện trạng phía ngoài đê sông Thái Bình vào phía trong đê, nhằm đảm bảo an toàn cho dân cư và tạo hành làng xanh cho dòng chảy.

c) Nguồn lực thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước đối với công trình trụ sở cơ quan, hành chính công, bệnh viện, giáo dục, công viên cây xanh, công trình thể dục thể thao, công trình hạ tầng đầu mối,...Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đối với các hạng mục xây dựng kinh doanh. Ngoài ra, huy động sức dân cùng tham gia xây dựng nông thôn mới.

d) Lộ trình thực hiện:

- Giai đoạn 2020 - 2025: Rà soát, lập kế hoạch, lộ trình xác định danh mục ưu

tiên đầu tư các công trình, dự án ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đồng thời triển khai các công trình cấp bách; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, để thu hút đầu tư xây dựng vào các dự án trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

- Giai đoạn 2025 - 2035: Phát triển các dự án về hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội theo hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn.

Điều 2. Giao UBND huyện Lương Tài tổ chức công bố, công khai Đồ án QHXD vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt đảm bảo các quy định của pháp luật.

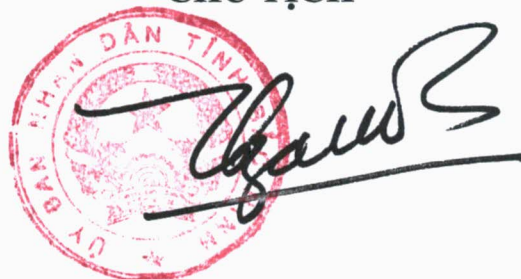
Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh; UBND huyện Lương Tài và các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TTHU, TTHĐND huyện Lương Tài;
- Lưu: VT, XDCB, NNTN, NC, KTTH, LĐVP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hương Giang